

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA NGÔ THÌ NHẬM QUA TÁC PHẨM *TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH*

CAO XUÂN LONG*

Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XVIII. Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh là một trong những tác phẩm quan trọng mà ông để lại cho hậu thế. Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh thể hiện những quan điểm triết học phong phú, đặc sắc và những giá trị nhân sinh hướng đến chân, thiện, mỹ. Tác phẩm cũng chính là một phương án kết hợp tam giáo độc đáo theo lối dĩ Thích nhập Nho trước sự khủng hoảng đường lối tư tưởng thống trị lúc bấy giờ.

Từ khóa: Ngô Thì Nhậm, tư tưởng Ngô Thì Nhậm, tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh

Nhận bài ngày: 10/5/2019; đưa vào biên tập: 15/5/2019; phản biện: 20/5/2019; duyệt đăng: 10/7/2019

1. DẪN NHẬP

Khi nhận định về Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích viết: “Ngô Thì Nhậm là một người kinh nghiệm rất giàu, sở đắc rất tinh, tam giáo cử lưu, bách gia chư tử, không gì là không nghiên ngẫm đến nơi đến chốn” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 11), còn cuốn *Nho giáo tại Việt Nam* của Viện Triết

học đánh giá: “Trong số người theo Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm có thái độ tích cực nhất. Ông là kẻ ‘thức thời’ đã biết vận dụng chữ ‘thời’, chữ ‘kinh quyền’, ‘thông biến’ của các nhà nho một cách sáng suốt. Nhờ vậy Ngô Thì Nhậm đã vứt bỏ được cái quan niệm ‘ngu trung’ cố chấp hủ lậu, vượt lên trên khuôn sáo tầm thường của ‘kẻ sĩ’ thủ cựu. Do đó ông đã nhập được vào dòng tiến bộ của thời đại và có những đóng góp lớn đối với lịch sử dân tộc hồi thế kỷ XVIII. Nói cho đúng, Ngô

* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Thì Nhậm là người có ý thức dân tộc cao” (Viện Triết học, 1994: 313-314), “một nhân vật lỗi lạc, tài năng và nhân cách của ông đã vượt lên trên tầm của các nhà nho đương thời” (Viện Triết học, 1994: 315).

Trong cuộc đời mình, Ngô Thì Nhậm đã viết nhiều tác phẩm có giá trị: *Nhị thập thất sử toát yếu, Tứ gia thuyết phả, Hải Đông chí lược, Tựa học toán yếu, Công vụ thành thư, Thánh triều hội giám, Bút hải từng đàm, Thủy vân nhân vị, Xuân thu quản kiến; Kim mã hành dư, Ngọc đường xuân khiển; Cúc thu thi trận, Cẩm đường nhân thoại, Hàn các anh hoa, Liên hạ thi minh,...* Những tác phẩm này không những có vị trí quan trọng trong nền văn học Việt Nam, mà còn mang giá trị nhân sinh sâu sắc, phản ánh những trăn trở trước biến động của lịch sử. Đặc biệt khi nghiên cứu Ngô Thì Nhậm với tư cách là một nhà tư tưởng, chúng ta không thể bỏ qua tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Nguyễn Lang đã nhận xét về tác phẩm này: “Vào khoảng cuối thế kỷ mười tám, có một tác phẩm rất lạ ra đời. Sách ký tên ba người: Hải Lượng, Hải Âu và Hải Hòa. Đó là một tổng hợp Nho - Thích khá độc đáo, với khuynh hướng quy về Phật giáo Trúc Lâm” (Nguyễn Lang, 2000: 651-652).

Về kết cấu tác phẩm, căn cứ vào văn bản hiện có thì *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* gồm năm phần chính sau: phần một, *Lời tựa* sách *Đại chân viên giác thanh* do Phan Huy Ích viết năm 1796; phần hai, *Chân dung ba vị*

tổ Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang) và Hải Lượng đại thiên sư (tức Ngô Thì Nhậm); phần ba, *Tam tổ hành trạng* do Ngô Thì Nhậm biên soạn về sự tích ba vị tổ thiên sư đời Trần đó là Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang; phần bốn, *Nhị thập tứ thanh* do Phan Huy Ích đặt tên để chỉ kinh 24 chương hay 24 tiếng - trong mỗi thanh gồm có 3 tiết: *Thanh dẫn* (do Hải Huyền tức Ngô Thì Hoàn viết), *Chính văn* (phần này ghi lại lời Ngô Thì Nhậm), *Thanh chú* (nhằm thuyết minh cho chính văn do hòa thượng Hải Âu và Tăng Hải Hòa viết); phần năm, *Thanh tiểu khẩu* (phần này tóm lược nội dung của từng phần chính văn, từng giáo lý).

Như vậy, theo cấu trúc của tác phẩm thì *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là tác phẩm được người sau biên tập, chú giải và bổ sung, làm sáng rõ nội dung trước tác *Đại chân viên giác thanh* của Ngô Thì Nhậm (phần *Chính văn* hiện nay). Do đó, để hiểu rõ tư tưởng của Ngô Thì Nhậm trong tác phẩm này một mặt cần nghiên cứu tổng thể tác phẩm hiện nay, nhưng mặt khác cần tập trung phân tích phần *Chính văn*, bởi đây là phần thể hiện tư tưởng nguyên bản của Ngô Thì Nhậm.

Về thời gian ra đời của tác phẩm, theo nhiều nhà nghiên cứu, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* được Ngô Thì Nhậm viết vào giai đoạn cuối đời khi ông mở thiên viện ở phường Bích Câu – ngoại thành Thăng Long (khoảng năm 1798 - 1802). Lúc này xã hội có nhiều biến động, sau khi Quang Trung mất,

Quang Toàn còn nhỏ tuổi không đủ sức quản lý triều đình, làm cho nội bộ nhà Tây Sơn càng mất đoàn kết nghiêm trọng. Lúc này, không chỉ xảy ra sự xung đột giữa chính quyền của Quang Toàn với chính quyền của Nguyễn Nhạc, mà còn xảy ra sự tranh giành quyền lực, quyền lợi giữa các phe phái trong nội bộ chính quyền Quang Toàn, dẫn đến sự phân hóa trong xã hội ngày càng gay gắt, các lực lượng nổi lên tranh giành quyền lực. Những điều này đã làm cho chính quyền Tây Sơn suy yếu và nhanh chóng đi đến suy vong.

2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG TÁC PHẨM *TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH*

Hiện thực lịch sử xã hội đương thời đã làm cho những tín điều Nho giáo bị lung lay đến tận gốc nên tư tưởng kết hợp Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo vốn có từ trước trở thành một lựa chọn hữu ích trong hoàn cảnh này. Tư tưởng căn bản của tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là Nho giáo, nhưng những quan điểm Thiền học và Đạo giáo cũng được kết hợp hài hòa trong đó. Với nội dung đặc sắc, phong phú của tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, Ngô Thì Nhậm đã khẳng định mình không chỉ là một nhà tư tưởng lớn mà còn là một vị thiền sư của Thiền phái Trúc Lâm - người đương thời tôn xưng ông là Tổ thứ tư của Thiền Trúc Lâm. Tư tưởng triết học trong tác phẩm này được thể hiện qua những nội dung về bản nguyên của thế giới và

nhân sinh quan với những giá trị cốt lõi sâu sắc.

Về bản nguyên của thế giới, đây là một trong những nội dung quan trọng và đặc sắc của tác phẩm này, là cơ sở lý luận để Ngô Thì Nhậm lý giải và đưa ra con đường giúp con người thoát khỏi bể khổ luân hồi nghiệp báo, giúp xã hội “từ thời loạn trở về thời trị”. Cho nên ông đã sử dụng những *thanh* đầu tiên trong 24 *thanh* để giải quyết vấn đề bản thể.

Trong phần *Thanh không*, Ngô Thì Nhậm cho rằng bản nguyên của thế giới là *không* – không có gì, u huyền, lặng lẽ nhưng cũng rất lưu động, biến thiên, “hỗn độn”; chính là cái tuyệt đối tối cao, cái duy nhất, yếu tố đầu tiên cấu tạo lên vạn vật, và ông còn gọi đó là *lý*. Theo Ngô Thì Nhậm giải thích: *lý* là điểm khởi nguồn, vừa thống nhất, vừa đa dạng, ông viết: “*Lý* là cái thớ, cái đốt cây”, là cái “cao cả”, “tối cao” và rất huyền bí, rất khó nhận biết, và chúng ta không thể hiểu hết, “không noi theo hết được” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 54). Nhưng *lý* chính là cái gốc, cái mà từ đó sự vật, hiện tượng xuất hiện, cũng từ đó sự vật, hiện tượng “vạn thủy giai đông” quy về một mối. Sự vận động của *lý* là theo quy luật tự nhiên, tự nó, như “nước chảy xuống, lửa bốc lên” không theo ý muốn, ý chí của vạn vật.

Ngoài ra, Ngô Thì Nhậm cho rằng *lý* có hai mặt: mặt thuận và mặt nghịch, nếu tuân theo tự nhiên, thuận quy luật tự nhiên là *lý*, còn trái với quy luật tự nhiên là nghịch lý. Do vạn vật đều có

chung nguồn gốc là *lý* cho nên vạn vật cũng bao hàm đặc tính của *lý* bên trong mình, đó chính là đặc tính hai mặt của sự vật, hiện tượng trong thế giới, như: trời và đất, âm và dương, mặt trái và mặt phải, mặt thể và mặt dụng, mặt tán và mặt tụ, mặt dị và mặt đồng, mặt cương và mặt nhu. Chính sự thống nhất và mâu thuẫn giữa các mặt đối lập, giữa một bản thể duy nhất của vũ trụ với sự đa dạng của nhiều sự vật hiện tượng làm cho thế giới không ngừng biến hóa, phát triển một cách tự nhiên. Như vậy, theo ông thế giới này là một thể thống nhất hoàn chỉnh, tất cả đều bắt nguồn từ một mối quan hệ duy nhất đó chính là *không*, là *lý*. Từ vấn đề bản thể luận Ngô Thì Nhậm đã tiến tới lý giải nguồn gốc nỗi khổ của con người, từ đó chỉ ra con đường và phương pháp giúp con người thoát khỏi bể khổ.

Về *nhân sinh quan*, đây cũng là nội dung quan trọng, cốt lõi trong tác phẩm này. Những lý giải về bản thể luận là cơ sở để ông lý giải nguyên nhân nỗi khổ và đưa ra phương pháp thoát khổ cho con người trên nền tảng của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo. Trong phần *Thoát thanh*, Ngô Thì Nhậm giải thích: do con người không nhận thức được cái trong sáng, sáng rõ của cái phi phi tưởng, cái phi phi kiến cho nên con người bị đẩy vào ngục, đẩy vào bể khổ luân hồi. Khi giải thích về luân hồi, ông viết: “Một năm có cái luân hồi của một năm, một tháng có cái luân hồi của một tháng, một ngày có luân hồi của một ngày. Vì

luân (cái bánh xe), cho nên hồi (xoay vòng)... người hữu đạo thì có luân hồi, người vô đạo thì không có luân hồi” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 162). Còn khi giải thích về *ngục*, ông cho rằng trong thế giới này có hai cái ngục - ở hai nơi dương thế, âm thế, để xử lý, trừng phạt con người có những hành động sai trái do *tâm* không trong sáng, và *trí* vô minh dẫn dắt gây ra tội lỗi. Đó chính là *nhân ngục* – ngục dành cho những người phạm tội khi sống, ngục này do con người tạo ra, cho nên với nhân ngục thì con người “có thể thoát ra dễ dàng”; còn địa ngục - ngục dành cho những người phạm tội sau khi chết, ngục này không do con người lập ra nên khi bị nhốt vào loại ngục này sẽ không thể thoát được. Ông viết: “Địa ngục rất nguy: Phật có nói đến nỗi khổ ở ngục vô gián – nơi địa ngục cực kỳ tàn ác, tội nhân liên tục phải chịu những hình phạt đau đớn, không bao giờ thoát được” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 91), Ngô Thì Nhậm đặc biệt chú ý đến địa ngục, và phương pháp giúp con người có thể thoát khỏi địa ngục. Để tìm ra phương pháp *phá ngục*, ông đã đi tìm những nguyên nhân khiến con người bị đẩy vào *ngục*. Ông cho rằng, sở dĩ chúng sinh bị đẩy vào ngục “ấy là vì chúng sinh từ bi. Hữu Ngu Thị không từ bi, Phật Thích Ca cũng không từ bi cho nên phá được địa ngục” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 92). Ông giải thích, chúng sinh “mắc vào lưới” từ bi chính là phạm cái nghiệp chướng tình ái, nên không giữ được

cái *tinh*, cái trong sáng của trí tuệ, và của tâm cho nên bị quay cuồng trong vòng luẩn quẩn của tiền tài, danh lợi, do đó bị đọa xuống địa ngục. Đúng như nhà nghiên cứu Nguyễn Hùng Hậu lý giải: “Nhà Phật bảo giết cha giết mẹ không phải là giết thực mà chỉ là cách dùng hình tượng để tỏ ý phủ nhận (giết) hết thầy mọi hiện tượng bên ngoài ảo ảnh nhưng lại cho là thật” (Nguyễn Hùng Hậu, 2002: 207). Theo Ngô Thì Nhậm địa ngục chỉ có thể “phá” mới thoát ra được, cũng chỉ có những bậc “đại lực lượng mới phá được địa ngục” sử dụng “cái phép tinh nhất” nghĩa là phải tinh tường chuyên nhất mới nắm được đạo trung và “lấy phép tinh tiến” có nghĩa là không tạp và không nhác mới có thể phá ngục. Ông viết: “Hữu Ngu Thị lấy cái phép Tinh Nhất mà phá nó, Thích Ca Mâu Ni lấy cái phép Tinh Tiến mà phá nó. Sau này, Nhan Hồi nói Khắc kỷ - *Khắc kỷ phục lễ vi nhân*, Đại Tuệ nói Sát hại - *phủ định dứt khoát với hiện tượng bên ngoài*, cả hai đều dụng công ở trên chữ Tinh (*không tạp*) cho nên cái tinh lực để đánh phá địa ngục là thanh bảo kiếm kim cương (*không pha tạp, trong trắng, cứng cõi*)” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 91-92).

Vậy làm sao chúng sinh có “thanh bảo kiếm kim cương” để tránh vòng sinh tử, luân hồi và thoát khỏi địa ngục âm thế. Theo Ngô Thì Nhậm, để có thanh bảo kiếm đó, con người cần phải có “tuệ tâm” và “tuệ nhãn”, phải thật sự trong sáng, không theo ý riêng của

minh và cần chấp chính. Ngô Thì Nhậm đã viết: “Không mộ Phật là giải thoát kiến trọc, được vào Vô dư niết bàn... Xương Lê cũng có theo ý riêng của mình và tất (câu chấp), chẳng bằng không có ý, không có tất mới thật là tốt” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 142). Chính vì vậy, ông đã chỉ ra cho chúng sinh phương pháp để có tuệ tâm và tuệ nhãn.

Khi đánh giá về vai trò của tâm đối với việc phá ngục, trong *Xu thanh*, Ngô Thì Nhậm cho rằng *tâm* có rất nhiều nghĩa nhưng tựu chung đó là *thiện, thiện*, nó là yếu tố then chốt của muôn sự. Cho nên, để có tuệ tâm trong sáng, ông viết: “Nghiêu, Thuấn lấy tâm đức mà thiện cho Bách Vương, Quan Thế Âm lấy tâm lượng mà thiện Chư Phật” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 122). Nếu tâm trong sáng, “bất động” thì nơi đâu cũng là “nhà”, “pháp gia” - nhà tinh thần. Chính vì vậy, khi tâm ta trong sáng “bất động” thì không cần xuất gia, vì nơi đâu cũng là nhà rồi. Ông cho rằng: “Tu pháp thì không bằng tu đạo, tu thân thì không bằng tu tâm” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 119). Đã gọi là “pháp gia” thì không xuất gia... cho nên thánh nhân “xem thiên hạ một nhà”, còn chúng sinh thì nặng nghiệp, vì lòng tham và ghét, tự mình xuất gia” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 99). Khi con người xuất gia, con người không còn quan hệ với con người nữa, mà mối quan hệ lúc này chuyển thành mối quan hệ với súc vật nên con người bị đẩy vào địa ngục.

Ông còn phân biệt tính trời (hay tính Phật) và tính người. Theo ông tính trời lặng lẽ và dập tắt (Tịch diệt), còn tính người ồn ào và dấy lên (Huyền khởi). Ông viết: “Diệt được tính người thì tức thời muôn cảm (tác động) đều lặng chỉ còn một cái chân lằng lằng. Chuông trống ở đằng trước mà tai không bị loạn, gấm vóc ở đằng trước mà mắt không bị choáng, thiên binh vạn mã ở đằng trước mà tâm không dao động. Được như vậy mới gọi là Tịch (lặng)” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 109), đó là về với tính Phật, là “phá địa ngục”, quan điểm này của Ngô Thì Nhậm dường như có những điểm tương đồng với quan điểm của Lão Tử về “vô vi nhi trị”. “Vô vi” không có nghĩa là không làm gì cả, mà là hành động không trái với quy luật tự nhiên, không giả tạo, gò ép, không thái quá, bất cập. Nếu không thuận theo đạo tự nhiên, đem ý chí, dục vọng của con người cưỡng ép vạn vật tức là lấy “cái nhân vi, giả tạo” thay thế cho cái tự nhiên, là trái với “đạo vô vi tự nhiên”.

Để có tuệ tâm, Ngô Thì Nhậm dựa trên quan điểm của Nho giáo và Phật giáo cho rằng con người cần phải “quy kết về tâm tính thì là một mà thôi. Vì vậy nhà Nho nói chính tâm, nói thành tín, nhà Phật nói chính tâm, nói kiến tính đều là có nghĩa “đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo... đạo của trời chỉ có người mới biết được” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 103).

Để có tuệ nhãn, Ngô Thì Nhậm tiếp thu quan điểm cho rằng sắc chẳng

phải không, không chẳng phải sắc (thị sắc phi sắc, thị không phi không) của Phật giáo; khẳng định rằng con người chỉ có thể nhận thức đúng đắn, rõ ràng, chân thực, như về bản thể, về thế giới sự vật hiện tượng, về xã hội và về chính mình khi nhận thức đó *vắng bóng tư dục, vọng tưởng*, vượt qua và thoát khỏi thế giới khái niệm (tưởng) đến với thế giới thực tại (không phải *tưởng*, cũng không phải *phi tưởng* mà phải là *phi phi tưởng*) (Nguyễn Lang, 2000: 663-666). Điều này được Ngô Thì Nhậm thể hiện rõ trong phần *Ngộ thanh*: Ông viết: “Lý không noi theo hết được, dục không cắt đứt hết được hay sao?”

Thầy nói: Không cắt đứt thì đứt, cắt đứt thì không đứt cuộn cuộn nước chảy, chảy thì khô cạn, lổm đổm lửa dập thì bốc.

Đồ đệ lại bạch thầy rằng: Có nước gì không phải là nước chẳng?

Thầy đáp rằng: Nước xem là nước, thì đó không phải là nước thật.

Lại bạch thầy: Có lửa gì không phải là lửa chẳng?

Thầy đáp: Lửa xem là lửa thì đó chính là lửa giả. Nước thật thì nóng, lửa thật thì lạnh được. Cho nên kẻ nào hữu dục là vô dục, vô dục là hữu dục.

Đồ đệ lại bạch: Trong thiên hạ có vật gì là tốt?

Thầy đáp rằng: Mọi vật đều tốt cả, vật gì ta thích thì tốt, ta không thích thì không tốt. Cho nên cái tốt mà không tốt, cái không tốt mà tốt” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 64-65).

Ngô Thì Nhậm giải thích: “Có sinh là bất sinh, có diệt là bất diệt. Đầu trâu mình rắn khó mà trông thấy sẻ ngủ, gà dậy, tự nhiên biết. Tây Ngưu Hóa có đại thiên thể giới sinh vô số vạn ức kiếp, thân có vô số vạn ức kiếp năm, cũng có vô số vạn ức thân, tai mắt mồm mũi đầy đủ. Người thử xem như thế là hữu sinh hay vô sinh...”

Ai thối mà khô

Ai hà mà xanh

Rút cục gốc tùng

Tự diệt tự sinh” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 72).

Ngô Thì Nhậm đã đi sâu vào vấn đề nhận thức cái tinh tế, cái “phi phi tưởng”. Theo ông nhận thức về đối tượng có ba cấp độ đó là: “tưởng”, “phi tưởng” và “phi phi tưởng”. Trong đó “phi phi tưởng” là cấp độ cao nhất, cấp độ nhận thức bản thể, trong sáng, tinh tế của vũ trụ, đó là nhận thức thế giới hiện thực vượt qua thế giới hiện thực. Ngô Thì Nhậm viết:

“Đồ đệ hỏi. Thầy nghen thì có Tưởng hay không?

Thầy đáp: Ta tưởng cái phi tưởng, chưa đến được cái phi phi tưởng cho nên nghen.

Đồ đệ hỏi. Thầy tưởng cái Tưởng gì?

Thầy đáp: Ta tưởng việc thiên phủ, địa phủ, thủy phủ mà tưởng không ra việc gì... Như thế là ta tưởng cái phi tưởng chứ không tưởng cái phi phi tưởng, muốn thấy cái phi kiến chứ không muốn thấy cái phi phi kiến” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 77).

“Nhiều người hỏi cái chân thực của mình...”

Nguyên tinh là thần của ta

Nguyên khí là thân của ta

Thần giáng nguyên đó

Ta có chân thân” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 82).

Khi xem xét thế giới sự vật hiện tượng ông đã chỉ ra điểm giống và khác nhau của nó: “người là người, ma là ma, súc sinh là súc sinh, tai ù thì không có vang. Bóng vang là hình khí ở bên ngoài, tai mắt là hình khí bên trong. Người thì không tàng hình được, ma thì không hiện hình được, cầm thú thì không nói tiếng người được” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 85). Ông cho rằng sự vật hiện tượng chỉ khác nhau về hình thức biểu hiện mà thôi, còn nguồn gốc và bản chất thì giống nhau đều xuất phát từ “một gốc”. Do đó, ông viết tiếp: “Người với những điều đó là hình khí bên ngoài mà thôi. Kể nào giác ngộ Phật thì không xả thân, kể mà không giác ngộ Phật mới xả thân” (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1978: 86).

Như vậy, khi chúng sinh có tuệ tâm trong sáng và tuệ nhãn thông tuệ, thì lúc đó chúng sinh đã có trong tay “thanh bảo kiếm kim cương” để phá ngục và thoát ra khỏi bể khổ luân hồi.

3. KẾT LUẬN

Tư tưởng Ngô Thì Nhậm trong tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* mặc dù thể hiện sự bế tắc, chán chường của một nhà trí thức trước hiện thực xã hội, nhưng nhìn tổng thể,

nội dung của tác phẩm đã thể hiện những quan điểm triết lý phong phú và những giá trị nhân sinh sâu sắc hướng con người đến chân, thiện, mỹ dựa trên sự kết hợp Nho, Phật, Đạo. Ông xứng đáng được các đệ tử Trúc Lâm tôn xưng là Vị tổ thứ tư của dòng Thiền Trúc Lâm. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Hùng Hậu (chủ biên). 2002. *Đại cương lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam* - tập 1. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
2. Nguyễn Lang. 2000. *Việt Nam Phật giáo sử luận* - tập 1, 2, 3. Hà Nội: Nxb. Văn học.
3. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Ban Hán Nôm. 1978. *Thơ văn Ngô Thì Nhậm* - tập 1, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Viện Triết học. 1994. *Nho giáo tại Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.